

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 189/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 22 - 12 - 2022.

V/v ly hôn giữa anh T và chị S.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đàm Văn Kiều.

2. Bà Dương Thị Vui.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2022/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022. Về tranh chấp xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Phạm Văn T – Sinh năm: 1974;

Địa chỉ: Xóm 1, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

* Bị đơn: Chị Trần Thị S – Sinh năm: 1985;

Địa chỉ: Xóm 1, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa vắng mặt anh T, chị S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Phạm Văn T vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt) nhưng trong đơn khởi kiện lập ngày 18/11/2022 cũng như lời khai của anh T thể hiện: Anh kết hôn với chị Trần Thị S vào tháng 6/2004 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung

trong hôn nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đến tháng 6/2021 thì vợ chồng anh sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm giữa anh và chị S không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện N xem xét giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị S.

Về con chung: Anh Phạm Văn T xác định giữa anh và chị S có ba con chung là cháu Phạm Thiên T, sinh ngày 16/9/2004; cháu Phạm Thiên A, sinh ngày 03/9/2006 và cháu Phạm Trần Thiên Ph, sinh ngày 08/12/2016. Hiện cháu T đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết còn cháu A và cháu Ph chưa trưởng thành đang do anh chăm sóc nuôi dưỡng. Ly hôn anh xin nhận trực tiếp nuôi cháu A và cháu Ph và không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung: Anh Phạm Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí anh Phạm Văn T đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Trần Thị S vắng mặt (chị S có đơn xin không hòa giải và xét xử vắng mặt), nhưng tại bản tự khai của chị S thể hiện: Chị kết hôn với anh T vào tháng 6/2004 kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc, đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Đến tháng 6/2021 vợ chồng chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay anh Phạm Văn T xin ly hôn chị thì chị nhất trí thuận tình ly hôn với anh Phạm Văn T.

Về con chung: Chị Trần Thị S xác định giữa chị và anh T có ba con chung là cháu Phạm Thiên T, sinh ngày 16/9/2004; cháu Phạm Thiên A, sinh ngày 03/9/2006 và cháu Phạm Trần Thiên Ph, sinh ngày 08/12/2016. Hiện cháu T đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết còn cháu A và cháu Ph chưa trưởng thành đang do anh T chăm sóc nuôi dưỡng. Ly hôn chị để anh T trực tiếp nuôi cháu A và cháu Ph và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

Về tài sản chung: Chị Trần Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 55; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn T và chị Trần Thị S; Về con chung: Giao cháu Phạm Thiên A, sinh ngày 03/9/2006 và cháu Phạm Trần Thiên Ph, sinh ngày 08/12/2016 cho anh Phạm Văn T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị S không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T; Về án phí dân sự sơ thẩm: anh T phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Phạm Văn T và chị Trần Thị S đăng ký hộ khẩu và đều cư trú tại xã N huyện N tỉnh Nam Định. Nay anh Phạm Văn T có đơn xin ly hôn chị Trần Thị S và Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa hôm nay anh Phạm Văn T và chị Trần Thị S vắng mặt nhưng anh T và chị S đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị S là phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa anh Phạm Văn T và chị Trần Thị S vào tháng 6 năm 2004 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Đến tháng 6/2021 thì vợ chồng anh T chị S sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên anh T đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết vợ chồng được ly hôn, phía chị S cũng nhất trí thuận tình ly hôn. Thấy việc thuận tình ly hôn của anh T và chị S là hoàn toàn tự nguyện không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Phạm Văn T và chị Trần Thị S đều thống nhất xác định vợ chồng có ba con chung là cháu Phạm Thiên T, sinh ngày 16/9/2004; cháu Phạm Thiên A, sinh ngày 03/9/2006 và cháu Phạm Trần Thiên Ph, sinh ngày 08/12/2016. Hiện cháu T đã trưởng thành nên anh T chị S không yêu cầu Tòa án

giải quyết còn cháu A và cháu Ph chưa trưởng thành đang do anh T chăm sóc nuôi dưỡng. Vợ chồng ly hôn anh T chị S thống nhất giao cháu Phạm Thiên A, sinh ngày 03/9/2006 và cháu Phạm Trần Thiên Ph, sinh ngày 08/12/2016 cho anh Phạm Văn T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T. Thấy việc thỏa thuận của anh T và chị S là hoàn toàn tự nguyện không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung vợ chồng: Anh Phạm Văn T và chị Trần Thị S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Văn T phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N là phù hợp.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

1 - Xử thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn T và chị Trần Thị S.

2 - Về con chung: Giao con chung của vợ chồng là cháu Phạm Thiên A, sinh ngày 03/9/2006 và cháu Phạm Trần Thiên Ph, sinh ngày 08/12/2016 cho anh Phạm Văn T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị Trần Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

3 - Án phí dân sự sơ thẩm anh Phạm Văn T phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai số 0000830 ngày 21/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu văn phòng; HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương